

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST

Ngày: 29-7-2022

*V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Ông Păng Ting Nock

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 36/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 378/2022/QĐST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan N.

Nơi cư trú: Số A đường B, Phường T, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.  
Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Vũ Quang V, bà Nguyễn Thị Nhật P, bà Phạm Thị Nh.

Nơi cư trú: Số V đường ML, Phường O, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.  
Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phan N trình bày:*

Ngày 01/6/2010, ông có cho bà Nguyễn Thị Nhật P, ông Vũ Quang V, bà Phạm Thị Nh vay số tiền 70.000.000đ, lãi 3%/tháng.

Do các ông bà Nh, V, P không trả được khoản nợ gốc và nợ lãi nào nên ngày 01/01/2013 các bên có viết giấy lại giấy vay với số tiền 224.000.000đ, trong đó có nợ gốc là 70.000.000đ và lãi từ 01/6/2010 đến 01/01/2013 là

154.000.000đ. Tuy nhiên, từ đó đến nay, bà Nh, bà P, ông V không trả cho ông khoản tiền gốc và lãi nào nên ông khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Nhật P, ông Vũ Quang V, bà Phạm Thị Nh phải trả cho ông số tiền 224.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phan N trình bày tính từ tháng 9/2021 đến nay, bà Phượng đã trả được cho ông hai lần, mỗi lần 500.000đ. Nay, ông chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Nhật P, ông Vũ Quang V, bà Phạm Thị Nh phải trả số tiền gốc là 69.000.000đ, không yêu cầu trả tiền lãi là 154.000.000đ, không yêu cầu trả lãi đối với số tiền gốc 69.000.000đ.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Quang V trình bày:*

Ông thừa nhận bà Nh, bà P và ông có cùng vay của ông N số tiền 70.000.000đ từ năm 2010. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, không trả được nợ gốc và lãi nên ngày 01/01/2013, hai bên gồm có bà Nh, bà P và ông có viết lại giấy vay ông Phan N số tiền là 224.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất là 1%/năm, nhưng đến nay gia đình ông cũng không trả được khoản nợ gốc và lãi nào cho ông N. Nay, ông N khởi kiện yêu cầu ông, bà Nh và bà P phải trả nợ số tiền gốc 70.000.000đ thì ông đồng ý.

Bị đơn bà Phạm Thị Nh, Nguyễn Thị Nhật P được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn Phạm Thị Nh, Nguyễn Thị Nhật P, Vũ Quang V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Xét, tại Giấy vay tiền ngày 01/01/2013, bà Phạm Thị Nh, Nguyễn Thị Nhật P và ông Vũ Quang V cùng ký giấy cho vay tiền, vay ông Phan N số tiền 224.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan N trình bày: ngày 01/6/2010, ông có cho bà Nguyễn Thị Nhật P, ông Vũ Quang V, bà Phạm Thị Nh vay số tiền 70.000.000đ, lãi 3%/tháng nhưng do các ông bà Nh, V, P không trả được khoản nợ gốc và nợ lãi nào nên ngày

01/01/2013 các bên có viết lại giấy vay với số tiền 224.000.000đ, trong đó có nợ gốc là 70.000.000đ và lãi từ 01/6/2010 đến 01/01/2013 là 154.000.000đ. Tuy nhiên, từ đó đến nay, bà Nh, bà P, ông V chỉ trả cho ông được hai lần, mỗi lần 500.000đ, tổng cộng là 1.000.000đ, nay ông N chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Nhật P, ông Vũ Quang V, bà Phạm Thị Nh phải trả số tiền gốc là 69.000.000đ, không yêu cầu trả tiền lãi là 154.000.000đ, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 69.000.000đ.

Bị đơn ông V thừa nhận có vay tiền của cụ N số tiền 70.000.000đ từ năm 2010 nhưng không trả được nợ nên các bên đã ký lại giấy vay tiền ngày 01/01/2013 với số tiền 240.000.000đ. Từ đó đến nay, các ông, bà không trả được khoản tiền gốc hay lãi nào, nay, ông Phan N khởi kiện yêu cầu các ông bà phải trả số tiền vay là 70.000.000đ thì ông đồng ý.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, khẳng định giữa ông Phan N và các ông bà Nh, P, V có ký kết hợp đồng vay có kỳ hạn. Do các bà N, P và ông V không thực hiện việc trả nợ như thỏa thuận mà chỉ trả được số tiền gốc 1.000.000đ nên ông N khởi kiện yêu cầu các ông bà Nh, P, V trả 69.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan N.

[3] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Nh, ông V, bà P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền là 3.500.000đ. Theo đơn khởi kiện ông N cung cấp thì bà Nh sinh năm 1953, tuy nhiên bà Nh không tham gia tố tụng, không có đơn đề nghị miễn án phí và cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo nên Hội đồng xét xử không xem xét miễn án phí cho bà Nh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 161; 162; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan N. Buộc bà Phạm Thị Nh, ông Vũ Quang V, bà Nguyễn Thị Nhật P liên đới trả cho ông Phan N số tiền nợ gốc là 69.000.000đ (sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: bà Phạm Thị Nh, ông Vũ Quang V, bà Nguyễn Thị Nhật P liên đới chịu 3.450.000đ (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Lý**